

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông báo số 443/TB-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh, Tờ trình số 468/TTr-STC ngày 06/10/2021 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 2), như sau:

1. Các cơ sở nhà, đất của 15 trường Trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Giữ lại tiếp tục sử dụng; trong đó:

- 07 trường Trung học Phổ thông đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 08 trường Trung học Phổ thông chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Đối với Phương án sắp xếp lại, xử lý của cơ sở nhà, đất của Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh (trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm cũ): giao Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND thành phố Tam Kỳ thực hiện các hồ sơ, thủ tục liên quan để chuyển giao cơ sở nhà, đất cho UBND thành phố Tam Kỳ quản lý, sử dụng theo ý kiến thống nhất của UBND tỉnh tại khoản 6 Thông báo số 443/TB-UBND ngày 29/9/2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chịu trách nhiệm về số liệu, hiện trạng sử dụng, tính pháp lý của các cơ sở nhà đất và phương án do đơn vị đề xuất; chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý, sử dụng nhà đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đang sử dụng cơ sở nhà, đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, liên hệ với cơ quan Tài nguyên và môi trường để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sử dụng cơ sở, nhà đất liên hệ với các đơn vị có liên quan để bổ sung hồ sơ liên quan về đất đai, về xây dựng cơ bản đối với cơ sở nhà đang sử dụng.

- Rà soát, bổ sung các cơ sở nhà, đất còn thiếu sót, cần hoàn thiện phương án sắp xếp để trình bổ sung vào Phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 3).

- Chỉ đạo Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh làm việc với UBND thành phố Tam Kỳ để thỏa thuận, thống nhất phương án sắp xếp đối với cơ sở nhà, đất do Trung tâm đang quản lý, sử dụng (trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm cũ) theo nội dung chỉ đạo tại khoản 6 Thông báo số 443/TB-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất:

- Quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất theo đúng mục đích sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kịp thời khai báo khi có sự biến động (tăng, giảm) về diện tích, giá trị của cơ sở nhà, đất đang sử dụng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan thanh tra, kiểm tra về các thông tin, số liệu các cơ sở nhà, đất của đơn vị đang sử dụng đã báo cáo. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu không chính xác hoặc liên quan đến việc tham mưu các hình thức xử lý nhà, đất khi thực hiện sắp xếp lại chưa đúng quy định thì đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính và cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh phương án sắp xếp nhà, đất theo quy định.

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị theo Điều 101, 102, 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Thực hiện việc hạch toán, cập nhật hoặc bổ sung biến động về nhà, đất vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất (nếu hồ sơ chưa đảm bảo tính pháp lý) theo đúng quy định.

3. UBND thành phố Tam Kỳ chủ trì làm việc với Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh để thỏa thuận, thống nhất phương án sắp xếp, bố trí cơ sở nhà, đất do Trung tâm đang quản lý, sử dụng (trường THPT

chuyên Nguyễn Bình Khiêm cũ) theo nội dung chỉ đạo tại khoản 6 Thông báo số 443/TB-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh.

4. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục về đất đai, tài sản đảm bảo đúng các quy định.

Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND thành phố Tam Kỳ thực hiện hồ sơ, thủ tục để chuyển giao cơ sở nhà, đất do Trung tâm đang quản lý, sử dụng (trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm cũ) cho UBND thành phố Tam Kỳ theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục
Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với các cơ sở thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 2)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị	Diện tích(m2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý	Ghi chú	
		Đất	Nhà						
			DT XD						DT sàn
1	THPT Nguyễn Hiền	11.023	2.467,22	4.183,58	Giấy CNQSDĐ số G 815928	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu nhà lớp học 2 tầng 12 p		491,98	983,97					
2	Khu nhà lớp học 2 tầng 8 p		305,55	611,10					
3	Khu nhà lớp học 2 tầng 6 p		342,72	685,44					
4	Khu thư viện- bộ môn		220,92	441,84					
5	Khu VS học sinh		87,42	87,42					
6	Nhà công vụ GV		120,00	120,00					
7	Nhà căn tin - phòng y tế		146,25	146,25					
8	Nhà kho		24,00	24,00					
9	Khu nhà hiệu bộ		355,18	710,36					
10	Nhà xe GV		171,60	171,60					
11	Nhà xe HS		201,60	201,60					
2	THPT Trần Đại Nghĩa	14.342	2.169	2.773	Giấy CNQSDĐ số S397809	Cơ sở giáo dục	Xuông cấp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu nhà lớp học 2 tầng 10 p		604	1.208					
2	Khu nhà học 5 phòng		316	316					
3	Khu hiệu bộ		320	320					
4	Khu thư viện, phòng Đoàn		72	72					
5	Nhà để xe học sinh		240	240					
6	Khu nhà ở GV		111	111					
7	Nhà để xe GV		50	50					
8	Nhà VS HS		96	96					
9	Nhà kho thiết bị		111	111					
10	Nhà kho thể dục		15	15					
11	Nhà kho QP		15	15					
12	Nhà bảo vệ		15	15					
13	Hội trường		168	168					
14	Phòng thực hành sinh		36	36					

3	THPT Hùng Vương	17.240	3.458	6.585	GCNQSDĐ số: CB 192940, Trích đo địa chính số:235/TĐ-TNMT ngày 05/4/2016	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu phòng học- thí nghiệm		1.140	3.420,0				
2	Khu hiệu bộ		348	696,0				
3	Khu phòng học 2 tầng		499,2	998,4				
4	Khu phòng bộ môn		203	203,0				
5	Khu dạy GDQP		80	80,0				
6	Nhà đặt máy bơm		7	7,0				
7	Nhà VS khu GDTC		30	30,0				
8	Nhà xe GV		105	105,0				
9	Nhà xe HS số 1		310	310,0				
10	Nhà xe HS số 2		183	183,0				
11	Nhà xe HS số 3		192	192,0				
12	Nhà xe HS số 4		97,5	97,5				
13	Nhà nghỉ GV		58,5	58,5				
14	Nhà kho		86	86,0				
15	Nhà thiết bị GDQP		40	40,0				
16	Nhà bảo vệ		9	9,0				
17	Căng tin		70	70,0				
4	THPT Núi Thành	17.241	4.086,79	7.201,79	Giấy CQSDĐ số BP 421826	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu lớp học 2 tầng 18 p		1.330	2.660,00				
2	Khu thí nghiệm - thư viện		798	1.596,00				
3	Khu tin học và lớp học		806	1.612,00				
4	Khu nhà đa năng		625	625,00				
5	Khu làm việc		183	183,00				
6	Khu phòng Lab		181	362,00				
7	Khu VS nam		46,32	46,32				
8	Khu VS nữ		58,32	58,32				
9	Khu VS học sinh		51,2	51,20				
10	Nhà bảo vệ		7,95	7,95				
p	THPT Nam Trà My	18.516	2.880	4.680	GCNQSDĐ số:BC 743296 cấp ngày 22/11/2010	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu hiệu bộ		200	400				
2	Khu phòng học		670	1.340				
3	Khu nội trú học sinh A		580	1.160				

4	Khu nội trú học sinh B		350	700				
5	Khu phòng thực hành		350	350				
6	Nhà ăn		360	360				
7	Khu nội trú GV		370	370				
6	THPT Tây Giang	17.534,5	4.607,98	6.541,16	Giấy CNQSDĐ AG 815200	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Nhà ở HS		418,09	1.254,27				
2	Khu nhà hành chính		232,20	464,40				
3	Khối nhà lớp học 2 tầng 12p		545,00	1.090,00				
4	Khối nhà lớp học 2 tầng 6 p		297,50	595,00				
5	Khu nhà thí nghiệm TH		474,30	496,60				
6	Khu nhà ăn HS		870,00	870,00				
7	Khu nhà ở GV		284,60	284,60				
8	Khu nhà ở HS		360,00	360,00				
9	Khu nhà ở HS		360,00	360,00				
10	Khu nhà ở HS		360,00	360,00				
11	Nhà bảo vệ		12,96	12,96				
12	Nhà để máy phát điện		9,61	9,61				
13	Khu nhà ở GV		279,72	279,72				
14	Nhà để xe HS		67,50	67,50				
15	Nhà để xe GV		36,50	36,50				
7	THPT Huỳnh Thúc Kháng	15.762,4	3.635	5.970	Giấy CNQSDĐ K 985352: 7870, 4 m2; Giấy CNQSDĐ BX 681836: 7892 m2	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu thí nghiệm TH		256	512				
2	Khu nhà lớp học 2 tầng 8p		618	1.326				
3	Khu nhà lớp học 2 tầng 12 p		658	1.316				
4	Khu nhà bộ môn		219	438				
5	Phòng y tế+ tư vấn tâm lý		80	80				
6	Khu tổ bộ môn		494	988				
7	Khu hiệu bộ		420	420				
8	Nhà để xe GV		150	150				
9	Nhà VS HS		120	120				
10	Nhà để xe HS		620	620				
8	THPT Huỳnh Ngọc Huệ	10.820	2.880,53	5.466,28	Trích đo chỉnh lý thửa đất số 13/TĐ/CN.VPĐK	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu hiệu bộ		231,20	693.6				

2	Khu nhà lớp học 3 tầng 12p		421,95	1.265,85				
3	Khu nhà lớp học 3 tầng 18p		414,95	1.243,92				
4	Khu thư viện- thí nghiệm		450,48	900,96				
5	Nhà để xe HS		195,00	195,00				
6	Nhà để xe GV		92,48	92,48				
7	Nhà kho		76,20	76,20				
8	Nhà đặt máy bơm PCCC		39,66	39,66				
9	Nhà đa năng		748,84	748,84				
10	Nhà VS GV		46,06	46,06				
11	Nhà xử lý nước sạch		8,10	8,10				
12	Căng tin		155,61	155,61				
9	THPT Hồ Nghinh	33.471,4	5.055,78	11.136,85	Trường mới xây dựng mà không có hồ sơ đất đai, biên bản có ghi QĐ cấp đất nhưng không kèm theo, sơ đồ không thể hiện dtxd và dt sàn sử dụng để đối chiếu	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu hiệu bộ	649,33	1.948,00					
2	Khu nhà lớp học	1.131,20	3.393,60					
3	Khu thí nghiệm TH	1.420,00	2.840,00					
4	Nhà đa năng	1.053,00	2.153,00					
5	Nhà bảo vệ	6,40	6,40					
6	Nhà đặt máy bơm PCCC	9,00	9,00					
7	Nhà để xe GV	120,00	120,00					
8	Nhà để xe HS	180,00	180,00					
9	Căng tin	486,85	486,85					
10	THPT Quế Sơn	17.200	2.299,35	2.541,85	QĐ số 624-QĐ/UB ngày 07/10/192 của UBND huyện Quế Sơn.	Cơ sở giáo dục	Xuống cấp	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu nhà lớp học 2 tầng		242,50	485,00				
2	Dãy phòng học		910,00	910,00				
3	Khu hiệu bộ		181,00	181,00				
4	Khu thí nghiệm		301,00	301,00				
5	Thư viện		175,00	175,00				
6	Phòng Hội đồng		135,00	135,00				
7	Phòng vi tính		130,00	130,00				
8	Khu VS học sinh		51,85	51,85				
9	Nhà công vụ GV		173,00	173,00	Sơ đồ ghi 137m2			

11	THPT Thái Phiên	25.445,30	3.136,40	4.856,58	QĐ giao đất số 4575/QĐ-UB ngày 18/10/2002: 25,850 m ² ; Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 23/10/2020: thu hồi 404,7 m ²	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu hiệu bộ		507,00	1.014,00				
2	Khu nhà lớp học 14 p		557,00	1.114,00				
3	Khu nhà lớp học 12 p		656,18	1.312,36				
4	Khu phòng học tạm		198,00	198,00				
5	Khu nhà VS GV		52,00	52,00				
6	Nhà VS học sinh		58,22	58,22				
7	Nhà VS học sinh tạm		40,00	40,00				
8	Nhà xe GV		105,00	105,00				
9	Phòng kho		149,00	149,00				
10	Phòng y tế		80,00	80,00				
11	Nhà nội trú		173,00	173,00				
12	Nhà xe học sinh		245,00	245,00				
13	Nhà thường trực		16,00	16,00				
14	Hội trường		168,00	168,00				
15	Căng tin		132,00	132,00				
12	THPT Trần Văn Dư	17.966,7	3.944,62	5.074,62	QĐ giao đất số 808/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 (17.760 m ²); QĐ thu hồi số 4587/QĐ-UB ngày 23/11/2001 (206, 7 m ²)	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu hiệu bộ		418,90	418,90				
2	Khu VS GV		49,00	49,00				
3	Khu 8 phòng học phía trước		850,00	850,00				
4	Khu nhà lớp học 3 tầng		574,00	1.704,00				
5	Khu 8 phòng học phía sau		850,00	850,00				
6	Khu phòng bộ môn		267,80	267,80				
7	Hội trường		322,56	322,56				
8	Nhà VS HS		147,78	147,78				
9	Nhà kho, căng tin		284,58	284,58				
10	Nhà xe GV		180,00	180,00				

13	PTDNT Nam Trà My	17.376,5	5.090,7	7.435,4	Trích lục bản đồ địa chính số 06-2021	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Nhà bảo vệ		12,0	12,00					
2	Nhà để xe		24,0	24,00					
3	Nhà đa năng		542,0	542,00					
4	Khu hiệu bộ		445,5	890,92					
5	Nhà VS khu hiệu bộ		36,0	36,00					
6	Nhà VS khu học tập		49,0	49,00					
7	Khối nhà lớp học 8 p		671,0	1.342,00					
8	Khối nhà lớp học 7 p		671,0	1.342,00					
9	Khu nhà 3 tầng		278,6	835,92					
10	Khu nội trú A		520,0	520,00					
11	Khu nội trú B		440,0	440,00					
12	Khu nội trú C		360,0	360,00					
13	Khu nhà ăn học sinh		472,6	472,60					
14	Nhà công vụ GV A		108,0	108,00					
15	Nhà công vụ GV B		176,0	176,00					
16	Nhà công GV C		156,0	156,00					
17	Khu VS nội trú		129,0	129,00					
14	THPT Nguyễn Văn Trỗi	14.300	2.933,91	5.684,29	QĐ thu hồi đất số 1015/QĐ-UBND ngày 01/4/2011	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu nhà lớp học 2 tầng		644,50	1.289,00					
2	Khu nhà học bộ môn		588,00	1.176,00					
3	Khu nhà hiệu bộ		614,08	1.228,16					
4	Khu nhà ở GV		307,00	614,00					
5	Khu nội trú Hs		596,80	1.193,60					
6	Nhà để xe HS		105,00	105,00					
7	Nhà để xe HS		35,69	35,69					
8	Nhà VS HS		42,84	42,84					
15	THPT Võ Chí Công	20.668,10	1.083	3.558	QĐ giao đất 4474/QĐ-UBND ngày 25/12/2017	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu nhà lớp học 3 tầng		521	1.454					
2	Khu nội trú HS		562	2.104					

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Đợt 2)

(Kèm theo TTr số : / TTr-STC ngày tháng 9 năm 2021 của Sở Tài chính)

TT	Đơn vị	Diện tích(m2)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			DT XD	DT sàn					
1	THPT Huỳnh Ngọc Huệ	10.820	2.880,53	5.466,28	Trích đo chỉnh lý thửa đất số 13/TĐ/CN.VPĐK	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu hiệu bộ		231,20	693,6					
2	Khu nhà lớp học 3 tầng 12p		421,95	1.265,85					
3	Khu nhà lớp học 3 tầng 18p		414,95	1.243,92					
4	Khu thư viện- thí nghiệm		450,48	900,96					
5	Nhà để xe HS		195,00	195,00					
6	Nhà để xe GV		92,48	92,48					
7	Nhà kho		76,20	76,20					
8	Nhà đặt máy bơm PCCC		39,66	39,66					
9	Nhà đa năng		748,84	748,84					
10	Nhà VS GV		46,06	46,06					
11	Nhà xử lý nước sạch		8,10	8,10					
12	Căng tin		155,61	155,61					
2	THPT Hồ Nghinh	33.471,4	5.055,78	11.136,85	Trường mới xây dựng mà không có hồ sơ đất đai, biên bản có ghi QĐ cấp đất nhưng không kèm theo, sơ đồ không thể hiện dtxd và dt sàn sử dụng để đối chiếu	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu hiệu bộ		649,33	1.948,00					
2	Khu nhà lớp học		1.131,20	3.393,60					
3	Khu thí nghiệm TH		1.420,00	2.840,00					
4	Nhà đa năng		1.053,00	2.153,00					
5	Nhà bảo vệ		6,40	6,40					
6	Nhà đặt máy bơm PCCC		9,00	9,00					
7	Nhà để xe GV		120,00	120,00					
8	Nhà để xe HS		180,00	180,00					
9	Căng tin		486,85	486,85					

3	THPT Quế Sơn	17.200	2.299,35	2.541,85	QĐ số 624-QĐ/UB ngày 07/10/192 của UBND huyện Quế Sơn.	Cơ sở giáo dục	Xuống cấp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu nhà lớp học 2 tầng		242,50	485,00					
2	Dãy phòng học		910,00	910,00					
3	Khu hiệu bộ		181,00	181,00					
4	Khu thí nghiệm		301,00	301,00					
5	Thư viện		175,00	175,00					
6	Phòng Hội đồng		135,00	135,00					
7	Phòng vi tính		130,00	130,00					
8	Khu VS học sinh		51,85	51,85					
9	Nhà công vụ GV		173,00	173,00	Sơ đồ ghi 137m2				
4	THPT Thái Phiên	25.445,30	3.136,40	4.856,58	QĐ giao đất số 4575/QĐ-UB ngày 18/10/2002: 25,850 m2; Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 23/10/2020: thu hồi 404,7 m2	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu hiệu bộ		507,00	1.014,00					
2	Khu nhà lớp học 14 p		557,00	1.114,00					
3	Khu nhà lớp học 12 p		656,18	1.312,36					
4	Khu phòng học tạm		198,00	198,00					
5	Khu nhà VS GV		52,00	52,00					
6	Nhà VS học sinh		58,22	58,22					
7	Nhà VS học sinh tạm		40,00	40,00					
8	Nhà xe GV		105,00	105,00					
9	Phòng kho		149,00	149,00					
10	Phòng y tế		80,00	80,00					
11	Nhà nội trú		173,00	173,00					
12	Nhà xe học sinh		245,00	245,00					
13	Nhà thường trực		16,00	16,00					
14	Hội trường		168,00	168,00					
15	Căng tin		132,00	132,00					

5	THPT Trần Văn Dư	17.966,7	3.944,62	5.074,62	QĐ giao đất số 808/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 (17.760 m2); QĐ thu hồ số 4587/QĐ-UB ngày 23/11/2001 (206, 7 m2)	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Khu hiệu bộ		418,90	418,90				
2	Khu VS GV		49,00	49,00				
3	Khu 8 phòng học phía trước		850,00	850,00				
4	Khu nhà lớp học 3 tầng		574,00	1.704,00				
5	Khu 8 phòng học phía sau		850,00	850,00				
6	Khu phòng bộ môn		267,80	267,80				
7	Hội trường		322,56	322,56				
8	Nhà VS HS		147,78	147,78				
9	Nhà kho, căng tin		284,58	284,58				
10	Nhà xe GV		180,00	180,00				
6	PTDTNT Nam Trà My	17.376,5	5.090,7	7.435,4	Trích lục bản đồ địa chính số 06-2021	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
1	Nhà bảo vệ		12,0	12,00				
2	Nhà để xe		24,0	24,00				
3	Nhà đa năng		542,0	542,00				
4	Khu hiệu bộ		445,5	890,92				
5	Nhà VS khu hiệu bộ		36,0	36,00				
6	Nhà VS khu học tập		49,0	49,00				
7	Khối nhà lớp học 8 p		671,0	1.342,00				
8	Khối nhà lớp học 7 p		671,0	1.342,00				
9	Khu nhà 3 tầng		278,6	835,92				
10	Khu nội trú A		520,0	520,00				
11	Khu nội trú B		440,0	440,00				
12	Khu nội trú C		360,0	360,00				
13	Khu nhà ăn học sinh		472,6	472,60				
14	Nhà công vụ GV A		108,0	108,00				
15	Nhà công vụ GV B		176,0	176,00				
16	Nhà công vụ GV C		156,0	156,00				
17	Khu VS nội trú		129,0	129,00				

7	THPT Nguyễn Văn Trỗi	14.300	2.933,91	5.684,29	QĐ thu hồi đất số 1015/QĐ-UBND ngày 01/4/2011	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu nhà lớp học 2 tầng		644,50	1.289,00					
2	Khu nhà học bộ môn		588,00	1.176,00					
3	Khu nhà hiệu bộ		614,08	1.228,16					
4	Khu nhà ở GV		307,00	614,00					
5	Khu nội trú HS		596,80	1.193,60					
6	Nhà để xe HS		105,00	105,00					
7	Nhà để xe HS		35,69	35,69					
8	Nhà VS HS		42,84	42,84					
8	THPT Võ Chí Công	20.668,10	1.083	3.558	QĐ giao đất 4474/QĐ-UBND ngày 25/12/2017	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu nhà lớp học 3 tầng		521	1.454					
2	Khu nội trú HS		562	2.104					
9	TT GDTX tỉnh	20.007,00	1.455,64	3.252,28	QĐ giao đất số 4286/QĐUB ngày 02/11/2001	Cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1	Khu hiệu bộ		275	550					
2	Khu nhà lớp học 3 tầng 18 p		596,7	1790,1					
3	Khu thí nghiệm TH		328,24	656,48					
4	Nhà để xe HS		212,8	212,8					
5	Nhà để xe GV		42,9	42,9					